

3. Ông Nguyễn Đình Thịnh, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên.

4. Ông Nguyễn Ngọc Hồng, Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Ủy viên.

5. Ông Phạm Khôi Nguyên, Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ủy viên.

6. Ông Nguyễn Xuân Thảo, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên.

7. Ông Vũ Văn Ninh, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên.

8. Ông Nguyễn Huy Hiệu, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên.

9. Ông Nguyễn Tấn Vạn, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên.

10. Ông Phạm Quang Tuyến, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên.

11. Ông Đỗ Hải Dũng, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp, Ủy viên.

12. Ông Nguyễn Văn Thường, Thứ trưởng Bộ Y tế, Ủy viên.

13. Ông Nguyễn Công Thành, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, Ủy viên.

14. Ông Ngô Chí Hoạt, Cục trưởng Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Chánh Văn phòng Hội đồng, Ủy viên.

15. Ông Nguyễn Ân Niên, Tiến sỹ Khoa học, nguyên Viện trưởng Viện Khoa học thủy lợi miền Nam, Ủy viên.

16. Ông Nguyễn Trường Cửu, Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Bộ Quốc phòng), Ủy viên.

17. Ông Vũ Văn Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Khí tượng thủy văn (Tổng cục Khí tượng thủy văn), Ủy viên.

18. Ông Vũ Huy Thủ, Tiến sỹ, Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản (Bộ Thủy sản), Ủy viên.

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TỔNG CỤC HẢI QUAN - BỘ NGOẠI GIAO

THÔNG TƯ liên tịch số 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/6/2000 hướng dẫn thi hành Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Căn cứ Điều 5 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Để thống nhất quản lý và đảm bảo đầy đủ các quyền lợi và trách nhiệm của người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước tích cực đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước;

Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao thống nhất hướng dẫn cụ thể Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi đối với việc tạm nhập - tái xuất ô tô 4 chỗ ngồi và các trang thiết bị, đồ dùng cá nhân của người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho những người Việt Nam định cư ở nước ngoài là trí thức, chuyên gia, công nhân lành nghề (gọi tắt là người Việt Nam ở nước ngoài) về nước làm việc trong thời gian từ 1 năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam, có xác nhận của cơ quan mời.

2. Một số từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

a) "Cơ quan Nhà nước Việt Nam" gồm Quốc hội, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các cơ quan cấp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) "Xác nhận của cơ quan mời" là văn bản xác nhận có dấu và chữ ký của Thủ trưởng của cơ quan Nhà nước Việt Nam (nói tại điểm a, mục 2 Phần I nêu trên) mời người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc, bao gồm các nội dung sau:

- Tên, số hộ chiếu, địa chỉ ở nước ngoài của người Việt Nam ở nước ngoài được mời.
- Thời gian công tác ở Việt Nam.
- Các công việc cụ thể hoặc dự án, đề án người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tại Việt Nam.

c) "Trang thiết bị làm việc" là những thiết bị, máy móc, tài liệu phục vụ cho công việc dự án tại Việt Nam của người Việt Nam ở nước ngoài.

d) "Đồ dùng cá nhân" bao gồm đồ dùng thiết yếu cho sinh hoạt.

e) "Miễn thuế" là miễn các loại thuế hải quan, các loại lệ phí có liên quan (trừ phí lưu kho, cước vận chuyển và cước phí về những dịch vụ tương tự theo quy định hiện hành) do hải quan thu khi làm thủ tục.

3. Về nguyên tắc, tất cả hàng hóa được tạm nhập miễn thuế của người Việt Nam ở nước ngoài sau khi hết thời hạn làm việc tại Việt Nam đều phải tái xuất, trường hợp biểu tặng, chuyển nhượng thì phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4. Cơ quan Nhà nước Việt Nam khi cấp văn bản xác nhận về việc tạm nhập, gửi lại, tái xuất xe ô tô, trang thiết bị làm việc, đồ dùng cá nhân cho người Việt Nam ở nước ngoài để làm thủ tục hải quan, gửi Tổng cục Hải quan 1 bản để theo dõi.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA TẠM NHẬP

A. TẠM NHẬP KHẨU XE ÔTÔ

1. Điều kiện tạm nhập khẩu ô tô:

Người Việt Nam ở nước ngoài quy định tại mục 1, phần I nêu trên, khi về nước làm việc trong thời gian từ 1 năm trở lên được tạm nhập khẩu miễn thuế 1 xe ô tô 4 chỗ ngồi để làm phương tiện phục vụ cho việc đi lại trong thời gian làm việc ở Việt Nam (tiêu chuẩn này không áp dụng đối với người thân của người Việt Nam ở nước ngoài) và phải tuân theo các điều kiện sau đây:

- Người Việt Nam ở nước ngoài có nhu cầu tạm nhập xe ô tô thì việc tạm nhập phải được thực hiện trong 6 tháng đầu kể từ khi đến nhận công việc tại Việt Nam (tính từ ngày nhập cảnh lần đầu).

- Xe ô tô mới, tay lái thuận (tay lái ở bên trái xe) theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp tạm nhập xe ô tô đã qua sử dụng thì chất lượng còn lại của xe phải đảm bảo từ 70% trở lên và phải xuất trình giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu xe.

- Trường hợp xe ô tô của người Việt Nam ở nước ngoài bị hư hỏng do tai nạn không thể sử dụng được, có xác nhận của cơ quan công an, chỉ được xem xét giải quyết tạm nhập xe khác thay thế khi thời gian làm việc tại Việt Nam phải còn từ 6 tháng trở lên và đã hoàn thành thủ tục thanh lý xe ô tô cũ tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi đã cấp giấy phép tạm nhập.

2. Thủ tục hải quan tạm nhập khẩu xe ô tô:

Người Việt Nam ở nước ngoài phải có đơn đề nghị được tạm nhập khẩu miễn thuế ô tô kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan Nhà nước Việt Nam mời với nội dung như sau:

- Tên người Việt Nam ở nước ngoài, số hộ chiếu, quốc tịch.
- Tên chương trình, dự án làm việc với cơ quan Nhà nước Việt Nam.

- Thời gian công tác tại Việt Nam.
- Nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật xe.
- Cửa khẩu nhập hàng.

Và xuất trình các chứng từ nhập khẩu liên quan đến xe.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố (nơi đóng trụ sở của cơ quan Nhà nước Việt Nam mời người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại Việt Nam) cấp giấy phép tạm nhập miễn thuế ô tô cho người Việt Nam ở nước ngoài.

- Trường hợp địa phương không có tổ chức hải quan thì người Việt Nam ở nước ngoài đến Cục Hải quan tỉnh, thành phố thuận tiện nhất để được cấp giấy phép.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố sử dụng mẫu giấy phép xuất nhập khẩu hàng phi mậu dịch (theo mẫu HQ 102) để cấp giấy phép tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô của người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định, giấy phép tạm nhập ô tô được cấp 4 bản (1 bản lưu tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép, hai bản giao chủ hàng để làm thủ tục nhập xe tại Hải quan cửa khẩu (1 bản) và làm thủ tục đăng ký lưu hành xe tại cơ quan công an (1 bản), 1 bản gửi Tổng cục Hải quan (thay báo cáo).

3. Tái xuất xe ô tô:

Trước khi xuất cảnh (hết thời hạn công tác), người Việt Nam ở nước ngoài có đơn gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép tạm nhập ô tô để được cấp giấy phép tái xuất xe.

4. Thủ tục chuyển nhượng xe ô tô:

Sau khi hết thời hạn làm việc tại Việt Nam, xe ô tô đã được phép tạm nhập phải tái xuất, nếu biểu tặng hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam phải làm thủ tục hải quan và truy nộp các loại thuế (kể cả thuế nhập khẩu) theo quy định của các luật thuế hiện hành trước khi xuất cảnh.

* Người Việt Nam ở nước ngoài có đơn gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép tạm nhập xe ô tô, nêu rõ lý do chuyển nhượng xe.

* Điều kiện chuyển nhượng xe:

+ Người Việt Nam ở nước ngoài hết thời hạn làm việc tại Việt Nam.

+ Các lý do khác phải có xác nhận của cơ quan Nhà nước Việt Nam mời và được Cục Hải quan tỉnh, thành phố chấp thuận bằng văn bản.

- Các đối tượng nói tại mục 1, Phần 1 của Thông tư này, nếu chuyển nhượng xe ô tô cho nhau hoặc cho các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn thuế theo quy định hiện hành thì được miễn thuế nhập khẩu, thuế và lệ phí có liên quan khác và được cơ quan hải quan nơi quản lý theo dõi trừ vào tiêu chuẩn tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được chuyển nhượng.

- Thủ tục chuyển nhượng xe thực hiện theo đúng quy trình chuyển nhượng xe do Tổng cục Hải quan ban hành.

B. TẠM NHẬP TRANG THIẾT BỊ LÀM VIỆC VÀ ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN

1. Trang thiết bị làm việc và đồ dùng cá nhân của người Việt Nam ở nước ngoài:

- Được làm thủ tục hải quan ngay tại cửa khẩu.

- Trên cơ sở văn bản xác nhận của cơ quan Nhà nước Việt Nam nói tại điểm b, mục 2 Phần I, hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập miễn thuế đối với trang thiết bị làm việc và đồ dùng cá nhân.

* Trang thiết bị phục vụ cho công việc mà người Việt Nam ở nước ngoài mang về sử dụng trong thời gian làm việc với cơ quan Nhà nước Việt Nam được tạm nhập miễn thuế, bao gồm:

- Các dụng cụ và thiết bị trong phòng thí nghiệm.

- Dụng cụ làm việc chuyên ngành.

- Các tài liệu về khoa học, kỹ thuật, đồ dùng văn phòng liên quan đến công việc.

* Đồ dùng cá nhân phục vụ cho sinh hoạt của người Việt Nam ở nước ngoài mang theo khi về nước làm việc được tạm nhập miễn thuế mỗi thứ 1 chiếc để sử dụng trong thời gian công tác tại Việt Nam (theo bản danh mục kèm).

2. Hành lý và các hàng hóa xuất nhập khẩu khác của người Việt Nam ở nước ngoài và người thân:

- Được làm thủ tục ngay tại cửa khẩu xuất nhập cảnh (trường hợp mang theo hàng hóa thuộc diện quản lý của các Bộ, ngành chức năng thực hiện theo quy định hiện hành).

- Tiêu chuẩn hành lý miễn thuế được hưởng theo quy định như đối với khách xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu của Việt Nam.

3. Thủ tục tái xuất trang thiết bị làm việc:

Người Việt Nam ở nước ngoài xuất trình cho hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục xuất tờ khai hải quan khi tạm nhập để được giải quyết. Trường hợp tái xuất tại cửa khẩu khác (không cùng cửa khẩu khi tạm nhập), sau khi hoàn tất thủ tục tái xuất, hải quan cửa khẩu làm thủ tục tái xuất có trách nhiệm sao gửi bộ hồ sơ tái xuất cho hải quan cửa khẩu làm thủ tục ban đầu để thanh khoản.

4. Thủ tục đối với hàng hóa đã được tạm nhập gửi lại Việt Nam (không mang theo khi xuất cảnh):

- Người Việt Nam ở nước ngoài có đơn gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp giấy phép tạm nhập nêu rõ lý do, thời gian xin gửi lại và nội dung hàng hóa gửi lại; tên, địa chỉ của cơ quan nhận giữ hộ hàng hóa, có xác nhận của cơ quan Nhà nước Việt Nam cho nhận gửi lại để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền. (Riêng đối với xe ô tô thời hạn gửi lại không vượt quá 12 tháng).

- Cơ quan Nhà nước Việt Nam nhận giữ hàng của người Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các khiếu nại liên quan đến hàng hóa gửi lại.

- Trường hợp giải quyết cho người Việt Nam ở nước ngoài gửi lại xe ô tô, hàng hóa đã được tạm nhập, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Hải quan và thông báo cho hải quan cửa khẩu, nơi người Việt Nam ở nước ngoài xuất cảnh được biết.

III. XỬ LÝ VI PHẠM

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn này đều bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Cơ quan Nhà nước Việt Nam mời người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Hải quan, Bộ Ngoại giao đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này.

Hàng quý, các cơ quan Nhà nước Việt Nam mời có trách nhiệm thông báo cho Bộ Ngoại giao danh sách người Việt Nam ở nước ngoài được mời thuộc đối tượng của Thông tư này để Bộ Ngoại giao tổng hợp thông báo cho Tổng cục Hải quan.

3. Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp, xem xét, giải quyết kịp thời những vụ việc vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo các đơn vị hải quan liên quan thực hiện các quy định tại Thông tư này và niêm yết công khai ở những nơi quy định để mọi người được biết và thực hiện./.

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng

NGUYỄN NGỌC TÚC

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Thứ trưởng

NGUYỄN TÂM CHIẾN

**DANH MỤC ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN ĐƯỢC
NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ ÁP DỤNG
CHO NGƯỜI VIỆT NAM
Ở NƯỚC NGOÀI**

(kèm theo Thông tư liên tịch số 03/2000/
TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/6/2000).

Số thứ tự	Tên đồ dùng, vật dụng	Số lượng	Ghi chú
1	Radio	1	
2	Máy ghi âm	1	
3	Đầu máy quay đĩa CD	1	
4	Máy cassette	1	
5	Tivi	1	
6	Đầu video	1	
7	Máy tính cá nhân	1	
8	Máy giặt	1	
9	Lò nướng điện	1	
10	Lò vi sóng	1	
11	Điều hòa nhiệt độ	1	Không quá 18.000PTU
12	Tủ lạnh	1	
13	Máy ảnh	1	
14	Máy quay phim (camera)	1	
15	Các vật dụng điện cá nhân khác (máy cạo râu, máy sấy tóc...)	1	

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**QUYẾT ĐỊNH số 1196/2000/QĐ-BGTVT
ngày 15/5/2000 quy định về giảm
tải trong mùa lũ đối với phương
tiện thủy nội địa.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 40/CP ngày 05 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 581/TTg ngày 25 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Báo bão, lũ;

Căn cứ đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Vận tải, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định việc giảm tải của các phương tiện vận tải thủy nội địa hoạt động trên các tuyến đường thủy nội địa có mức nước lũ từ báo động cấp 1 trở lên (theo thông báo của Tổng cục Khí tượng thủy văn) cụ thể như sau:

- Trước khi xếp hàng, thuyền trưởng hoặc người điều khiển phương tiện phải theo dõi tình hình diễn biến thủy văn của toàn tuyến hành trình, nếu thấy một trong những đoạn sông, kênh trên tuyến xuất hiện mức nước lũ từ báo động cấp 1 trở lên thì phải thực hiện việc giảm 10% trọng tải của phương tiện.

- Trường hợp phương tiện đang trên đường hành trình mà có lũ thì không phải giảm tải, nhưng thuyền trưởng hoặc người điều khiển phương tiện phải căn cứ tình trạng kỹ thuật của phương tiện và tình hình thực tế để có các biện pháp đảm bảo cho phương tiện đến nơi trả hàng an toàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1733/1999/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 7 năm 1999 của Bộ Giao thông vận tải. Giao Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Vận tải, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thủ trưởng

LÃ NGỌC KHUÊ